Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9033.00.00

Mã HS	9033.00.00
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện (chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nhóm khác thuộc Chương này) dùng cho máy, thiết bị, dụng cụ hoặc đồ dùng thuộc Chương 90
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 06:34:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90330000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18267
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18267
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18267
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17596
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17525
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17525
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17525
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17525
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17525
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17525
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17581
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17581

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17581
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17581
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17581
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17581
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17582
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17582
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17582
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17582
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17582
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17582
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17587
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17543
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17539
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17539
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17539
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17539
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17539
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17539
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17585
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17585
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17585
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17585
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17585
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17585
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17647
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17647
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17647
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17647
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17647
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17625
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17625
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17625
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17625
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17625
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17625
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17618
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17618
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17618
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17618
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17618
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17618
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17648
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17648
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17648
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17648
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17648
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17648
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17647
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17647
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17647
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17647
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17647
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17741
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17741
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17741
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17741
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17741
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17741
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17741
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17610
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17610
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17610
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17610
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17610
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17610
RCEP B	2022	2022	0	B!D17610
RCEP B	2023	2023	0	B!E17610
RCEP B	2024	2024	0	B!F17610
RCEP B	2025	2025	0	B!G17610
RCEP B	2026	2026	0	B!H17610
RCEP B	2027	2027	0	B!I17610
RCEP C	2022	2022	0	C!D17608
RCEP C	2023	2023	0	C!E17608
RCEP C	2024	2024	0	C!F17608
RCEP C	2025	2025	0	C!G17608
RCEP C	2026	2026	0	C!H17608

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17608
RCEP D	2022	2022	0	D!D17607
RCEP D	2023	2023	0	D!E17607
RCEP D	2024	2024	0	D!F17607
RCEP D	2025	2025	0	D!G17607
RCEP D	2026	2026	0	D!H17607
RCEP D	2027	2027	0	D!I17607
RCEP E	2022	2022	0	E!D17611
RCEP E	2023	2023	0	E!E17611
RCEP E	2024	2024	0	E!F17611
RCEP E	2025	2025	0	E!G17611
RCEP E	2026	2026	0	E!H17611
RCEP E	2027	2027	0	E!I17611
RCEP F	2022	2022	0	F!D17610
RCEP F	2023	2023	0	F!E17610
RCEP F	2024	2024	0	F!F17610
RCEP F	2025	2025	0	F!G17610
RCEP F	2026	2026	0	F!H17610
RCEP F	2027	2027	0	F!I17610
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16511
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16511
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16511
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16511

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9033.00.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9033.00.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9033.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9033.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18267), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.